

Số: 03 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 19 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 09/CV.2023 ngày 10/5/2023 của Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Thương mại Anh Châu về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án Cơ sở cung ứng hơi nước bão hòa cho hoạt động sản xuất và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 127/TTr-TNMT ngày 11/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Thương mại Anh Châu, địa chỉ: Số 477/6, KV4, Đường 3/2, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại dự án “Cơ sở cung ứng hơi bão hòa cho hoạt động sản xuất”, địa chỉ: Thửa đất số 2912, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1 Tên dự án đầu tư: Cơ sở cung ứng hơi bão hòa cho hoạt động sản xuất.

1.2 Địa điểm hoạt động: thửa đất số 2912, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 1801316455 đăng ký lần đầu ngày 12/9/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 7/9/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

1.4 Mã số địa điểm kinh doanh: 1801316455.

1.5 Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cung ứng hơi bão hòa cho hoạt động sản xuất.

1.6 Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện dự án là 3.344,4 m².

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

- Công suất: lắp đặt 01 hệ thống lò hơi với công suất 25 tấn/giờ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1 Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2 Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi

trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3 Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4 Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư sản xuất thương mại Anh Châu có trách nhiệm:

2.1 Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2 Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay hoạt động phát sinh chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3 Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4 Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ..19.. tháng ..5.. năm 2023 đến ngày ..19.. tháng ..5.. năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân xã An Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Thương mại Anh Châu;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã An Hiệp;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hào

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 03 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (có xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn), lưu lượng phát sinh lớn nhất $1,2\text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất (nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và vệ sinh thiết bị), lưu lượng phát sinh lớn nhất $3\text{ m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Toàn bộ lưu lượng nước thải của dự án được thu gom, lược rác và xả thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp An Nghiệp.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm đầu nối vào cống thoát nước thải của KCN An Nghiệp.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1066629; Y = 549522 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, mũi chiếu 3°)

2.3 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $4,2\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1 Phương thức xả nước thải: Tự chảy vào cống thoát nước thải của khu công nghiệp dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Nghiệp.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Tự chảy.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối phải xử lý sơ bộ theo thỏa thuận với Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường An Nghiệp (chủ đầu tư hệ thống xử lý nước thải). Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải thô đầu vào phải đảm bảo:

- + Lắp đặt lưới chắn rác có kích thước tối đa 3 mm;
- + Chỉ tiêu dầu mỡ động thực vật $< 250\text{ mg/l}$;
- + Chỉ tiêu cặn lơ lửng (TSS) $< 800\text{ mg/L}$;
- + Không chứa chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính là Φ90mm với chiều dài từ 20m và đấu nối trực tiếp vào hố ga của hệ thống thu gom nước thải dự án.

- Nguồn số 2: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và vệ sinh thiết bị được thu gom và cho vào bể lắng để lắng cặn trước khi thoát vào hệ thống cống thu gom chung của khu công nghiệp.

1.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn (có thể tích 09 m³) tại văn phòng làm việc. Nước thải sinh hoạt của dự án sau khi được xử lý tại hầm tự hoại sẽ được thoát vào hệ thống thu gom nước thải của dự án đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. Công suất thiết kế: Xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn được đặt ngay tại nhà vệ sinh thuộc khối văn phòng với tổng thể tích là 09m³ được xây dựng bằng bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất: Lượng nước thải này chứa nhiều cặn, bụi tro đốt nên toàn bộ lượng nước thải này được thu gom và cho vào bể lắng với thể tích 7,5 m³ để lắng cặn trước khi thoát vào hệ thống thu gom của dự án và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1 Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

3.2 Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3 Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

3.4 Nước thải phát sinh tại dự án phải đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nước thải thô đầu vào trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp An Nghiệp.

3.5 Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.6 Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân viên làm việc tại dự án, chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 03 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải lò hơi 25 tấn hơi/giờ (đốt than, trấu và củi); lưu lượng xả thải lớn nhất 25.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1 Vị trí xả khí thải

- Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1066586; Y= 549476 (theo hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105°30'; mũi chiếu 3°);

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Công ty TNHH Đầu tư sản xuất thương mại Anh Châu tại thửa đất số 2912, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 35.000 m³/giờ.

2.2.1 Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói của hệ thống xử lý khí thải, ống khói thải xả liên tục theo ca làm việc.

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=0,9; K_v=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	35.000	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo khoản 6 Điều 112 Luật	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	bảo vệ môi trường, khuyến khích Chủ dự án thực hiện quan trắc khí thải 06 tháng/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải lò hơi phát sinh được thu gom xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải được thiết kế hợp khối được tích hợp sẵn trong lò hơi.

1.2 Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi → Cyclon lọc bụi khô → Lọc bụi túi vải (tro bay) → Tháp hấp thụ ướt → Ống khói lò hơi cao 12 m → Khí thải đạt QCVN 19:2019/BTNMT, cột B.

- Công suất thiết kế: 35.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất sử dụng chủ yếu là NaOH để xử lý khí thải lò hơi.

1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4 Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị lọc bụi, túi vải, bơm bể dập bụi, quạt hút, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm sự hoạt động ổn định của hệ thống. Chuẩn bị các bộ

phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải không hiệu quả (khói đen, bụi); chủ dự án có phương án dừng tạm thời lò để kiểm tra hệ thống phát thải và ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng công động có liên quan đến sử dụng lò hơi cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp phối hợp khắc phục, ứng phó kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023.

2.2 Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Lò hơi sử dụng nhiên liệu là trầu và than.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2 Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3 Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1 Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3 Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4 Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành theo quy định.

3.5 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6 Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoạch bô sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.7 Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.8 Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 03 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN2000: X (m) = 1066621; Y (m) = 549519.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Trong quá trình vận hành sẽ có các phương tiện giao thông ra, vào dự án do đó sẽ phát sinh tiếng ồn nhất định, để giảm thiểu tác động trên cần có một số giải pháp cụ thể sau:

- Chủ dự án thường xuyên bảo trì máy để máy móc, thiết bị luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị về độ mòn chi tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn....

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào nhà máy nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

Tiếng ồn và độ rung từ quá trình vận hành thiết bị tại dự án: các thiết bị, máy móc hiện đại có trang bị nệm chống rung dưới mỗi máy, tiến hành bảo trì các máy móc thiết bị thường xuyên. Đảm bảo tiếng ồn và độ rung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 03 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh CTNH chủ yếu của dự án là giẻ lau dính các thành phần nguy hại, dầu mỡ bôi trơn, bóng đèn huỳnh quang thải... Khối lượng ước tính phát sinh khoảng 10 kg/năm.

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của dự án có phát sinh lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường ước tính khoảng 7,38 tấn/ngày. Thành phần và khối lượng gồm: than indo và trấu,....

Nhiên liệu	Lượng nhiên liệu chất đốt sử dụng theo thiết kế của lò hơi (tấn/ngày)	Tỷ lệ tro (%)	Lượng tro phát sinh theo thiết kế của lò hơi (tấn/ngày)
Than Indo	18,84	8,49	1,60
Trấu	31,4	15	4,71
Củi	12,56	8,49	1,07
Tổng lượng tro phát sinh (tấn/ngày)			7,38

1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu từ các hoạt động sinh hoạt của nhân viên. Do đó, tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh 10 kg/ngày tương đương 0,3 tấn/tháng. Chủ dự án bố trí 04 thùng chứa có thể tích 10 lít tại các khu vực trong dự án như: Khu vực xưởng, khố văn phòng, nhà vệ sinh,... Bố trí công nhân đi thu gom và tập kết chất thải rắn sinh hoạt về khu chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 10 m² để đơn vị thu gom rác thuận tiện trong quá trình thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng chứa 90 lít, có nắp đậy để lưu chứa lượng CTNH này. Mỗi thùng chứa một loại CTNH riêng biệt và có dán tên, mã nguy hại bên ngoài thùng tương ứng với từng loại chất thải.

2.1.2 Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: $12m^2$.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng, tường xây gạch, mái tôn.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án sẽ quản lý và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2.2 Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: sau khi được thu gom vào bao lưu chứa tại khu vực tập kết phế liệu diện tích $70m^2$.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, tường xây gạch, mái tôn.

2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa có thể tích 10 lít.

2.3.2 Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa ngoài trời: Bố trí 04 thùng chứa có thể tích 10 lít tại các khu vực trong dự án như: Khu vực xưởng, khối văn phòng, nhà vệ sinh và tập kết chất thải rắn sinh hoạt về khu chúa rác thải sinh hoạt có diện tích $10 m^2$ để đơn vị thu gom rác thuận tiện trong quá trình thu gom.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa ngoài trời: Nền xi măng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.

- Trang bị hộp nước vách tường, máy bơm nước PCCC đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Bố trí kim thu sét cho mái của nhà xưởng, văn phòng để phòng, chống sét đánh.

- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ nhân viên của dự án.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

2. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông:

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho nhân viên làm việc trong dự án về an toàn giao thông đường bộ.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc tham gia giao thông để tránh những tai nạn giao thông khi tham gia trên đường.

- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các cơ quan của nhà nước, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.

- Không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải.